

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 4- 2019

V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn

Và nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thái Quân. .

2. Ông Võ Văn Tám.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35 /2019/TLST- HNGĐ ngày 23-01-2019, về: “ *Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980, Hộ khẩu thường trú ấp Bình Tr 2, xã Bình Thạnh Đ, Phú T, hiện nay về sinh sống tại nhà cha ruột ông Nguyễn Hữu C ấp Phú Đ, xã Phú X, Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ôn Văn Kha L, sinh năm 1977, cư trú ấp Bình Tr 2, xã Bình Thạnh Đ, Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 06) và bản tự khai (bút lục số 15) thì chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị với anh L thành vợ, chồng vào năm 1998, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 193, ngày 30-8-2006 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, tính tình không phù hợp thường xuyên cự cãi không thể tiếp tục chung sống và chính thức ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay.

Con chung có 02 đứa tên: Ông Văn Th, sinh ngày 23-8-2000 và Ôn Thị Thanh Th, sinh ngày 28-01-2006, đang sống với anh L.

Về tài sản: Không có.

Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: được ly hôn với anh L.
- Về con chung:
 - + Đối với cháu Th đã thành niên và lao động được.
 - + Đối với cháu Th đồng ý cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, không khả năng cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản; về nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bảng tự khai (bút lục 14) thì anh Ôn Văn Kha L trình bày:

- Anh với chị Đ thành vợ, chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 193, ngày 30-8-2006 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cự cãi và có dư luận Đ quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, chính thức ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay.

Con chung có 02 đứa tên: Ông Văn Th, sinh ngày 23-8-2000 và Ôn Thị Thanh Th, sinh ngày 28-01-2006, đang sống với anh.

Về tài sản: Không có.

Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với Đ .
- Về con chung: Được tiếp tục nuôi 2 con, không yêu cầu Đ cấp dưỡng.
- Về tài sản; về nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Chị Đ và Anh L có đơn yêu cầu vắng mặt về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo bút lục các số 23, 25, 31, 32).

{1.2} Chị Đ và anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục các số 09, 10, 11), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị.

{ 2 } Về nội dung :

[2.1] Hôn nhân giữa chị Đ với anh L có đăng ký kết hôn vào năm 2006 (bút lục số 03), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có

mâu thuẫn xảy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: chị Đ cho rằng do khó khăn về kinh tế, tính tình không phù hợp thường xuyên cự cãi và yêu cầu được ly hôn. Anh L cho rằng do tính tình không phù hợp thường xuyên cự cãi và có dư luận chị Đ quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và yêu cầu đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, nếu hòa giải được thì đã lập biên bản và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn, nhưng do anh, chị đều vắng và theo bản tự khai thì cả hai đều đồng ý ly hôn, điều đó cho thấy hạnh phúc của gia đình anh, chị thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ. Theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.2} Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh L thống nhất có con chung 02 đứa tên: Ôn Văn Th, sinh ngày 23-8-2000 và Ôn Thị Thanh Th, sinh ngày 28-01-2006, đang sống với anh L. Chị Đ đồng ý cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng đứa con tên Th, riêng đứa con tên Th đã thành niên và lao động được, anh L tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con, do đó HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh, chị (Bút lục các số 14, 15) Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.3} Về quan hệ tài sản; quan hệ nợ phải thu: Anh, chị thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục 14, 15), vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4} Về nợ phải trả: anh, chị thống nhất khai không có (bút lục 14, 15), vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: Chị Đ phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000đ

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 2, Điều 81; các khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Ôn Văn Kha L. Giấy chứng nhận kết hôn số 193, ngày 30-8-2006 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông không còn giá trị pháp lý.

- Anh Ôn Văn Kha L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Ôn Thị Thanh Th, sinh ngày 28-01-2006, riêng đứa con tên Ôn Văn Th, sinh ngày 23-8-2000 đã thành niên và lao động được. Anh L không được ngăn cản mà

phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0005438 ngày 23-01-2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Đ không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Đ và anh L có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Phú Tân;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Dũng